

CHÍNH PHỦ



DỰ THẢO

LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI)

(Kèm theo Tờ trình số 162/TTr-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ)

Hà Nội, 2023

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: .../2023/QH15

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2023

DỰ THẢO 6

LUẬT

TÀI NGUYÊN NƯỚC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật tài nguyên nước.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về quản lý, bảo vệ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Nước dưới đất và nước biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài nguyên nước bao gồm nước mặt, nước dưới đất, nước mưa và nước biển.*

2. *Nguồn nước là các dạng tích tụ nước tự nhiên hoặc nhân tạo có thể khai thác, sử dụng bao gồm sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất; mưa, băng, tuyết và các dạng tích tụ nước khác.*

3. *Nước mặt là nước tồn tại trên mặt đất liền hoặc hải đảo.*

4. *Nước dưới đất là nước tồn tại trong các tầng chứa nước dưới đất.*

5. *Nguồn nước liên tỉnh là nguồn nước phân bố trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.*

6. *Nguồn nước nội tỉnh là nguồn nước phân bố trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.*

7. *Nguồn nước liên quốc gia là nguồn nước chảy từ lãnh thổ Việt Nam sang*

lãnh thổ nước khác hoặc từ lãnh thổ nước khác vào lãnh thổ Việt Nam hoặc nguồn nước nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và quốc gia láng giềng.

8. *Lưu vực sông* là vùng đất mà trong phạm vi đó nước mặt, nước dưới đất chảy tự nhiên vào sông và thoát ra một cửa chung hoặc thoát ra biển.

9. *Lưu vực sông liên tỉnh* là lưu vực sông nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

10. *Lưu vực sông nội tỉnh* là lưu vực sông nằm trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

11. *Nguồn nước sinh hoạt* là nguồn nước ***có chức năng cấp nước cho mục đích sinh hoạt hoặc có thể sử dụng trực tiếp***, xử lý thành nước sinh hoạt.

12. *Ô nhiễm nguồn nước* là sự biến đổi tính chất vật lý, tính chất hóa học và thành phần sinh học của nước không phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho phép, gây ảnh hưởng xấu đến con người, sinh vật ***và tự nhiên***.

13. *Suy thoái nguồn nước* là sự suy giảm về số lượng, chất lượng nguồn nước so với trạng thái tự nhiên hoặc so với trạng thái của nguồn nước đã được quan trắc trong các thời kỳ trước đó, ***gây ảnh hưởng đến các đối tượng khai thác, sử dụng nước và hệ sinh thái thủy sinh***.

14. *Cạn kiệt nguồn nước* là sự suy giảm nghiêm trọng về số lượng của nguồn nước, làm cho nguồn nước không còn khả năng đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng và duy trì hệ sinh thái thủy sinh.

15. *Chức năng của nguồn nước* là những mục đích sử dụng nước nhất định dựa trên các giá trị lợi ích của nguồn nước.

16. *Khả năng chịu tải của nguồn nước* là ***giới hạn*** tiếp nhận thêm một lượng nước thải mà vẫn bảo đảm chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam.

17. *Dòng chảy tối thiểu* là dòng chảy ở mức thấp nhất cần thiết để duy trì dòng sông hoặc đoạn sông nhằm bảo đảm sự phát triển bình thường của hệ sinh thái thủy sinh và bảo đảm mức tối thiểu cho hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước của các đối tượng sử dụng nước.

18. *Ngưỡng khai thác nước dưới đất* là giới hạn cho phép khai thác nước dưới đất nhằm bảo đảm không gây xâm nhập mặn, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, sụt, lún đất, tác động xấu đến nguồn nước mặt và môi trường liên quan.

19. *Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt* là vùng phụ cận khu vực lấy nước từ nguồn nước được quy định phải bảo vệ để phòng, chống ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

20. *Hành lang bảo vệ nguồn nước* là phần đất giới hạn dọc theo nguồn nước hoặc bao quanh nguồn nước.

21. *Phục hồi nguồn nước* là ***biện pháp cải thiện số lượng, chất lượng nước nhằm khôi phục chức năng nguồn nước, nâng cao giá trị về kinh tế,***

sinh thái, văn hoá, lịch sử gắn liền với nguồn nước.

22. An ninh nguồn nước là việc bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và giảm thiểu rủi ro thiệt hại từ các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước.

23. Khai thác, sử dụng nước là hoạt động khai thác các tiềm năng, giá trị của nguồn nước để phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, đa dạng sinh học, phát triển hệ sinh thái tự nhiên thông qua công trình lấy nước, trữ nước, chuyển nước, dẫn nước, tiếp nước, tạo nguồn, sử dụng mặt nước.

24. Vận hành hồ chứa theo thời gian thực là quá trình ra quyết định vận hành điều tiết hồ chứa liên tục, tức thời trên cơ sở tuân thủ quy định của quy trình vận hành hồ chứa và cập nhật thông tin số liệu khí tượng thủy văn hồ theo thời gian thực.

25. Hoạt động phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ là hoạt động nhằm bảo vệ sự ổn định của lòng, bờ, bãi sông, hồ và chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

1. Tài nguyên nước phải được quản lý tổng hợp, thống nhất về số lượng và chất lượng nước; giữa nước mặt và nước dưới đất; giữa thượng lưu và hạ lưu, kết hợp với quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.

2. Việc quản lý tài nguyên nước phải bảo đảm thống nhất theo lưu vực sông, theo nguồn nước, kết hợp với quản lý theo địa bàn hành chính; **phân công, phân cấp rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về nguồn nước và trách nhiệm quản lý xây dựng, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thủy lợi, sản xuất công nghiệp, giao thông thủy nội địa, thủy điện, thể thao, du lịch, dịch vụ và các mục đích khác.**

3. Việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải tuân theo chiến lược, quy hoạch về tài nguyên nước và các quy hoạch khác có liên quan.

4. Bảo vệ tài nguyên nước là **quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm** của mọi cơ quan, tổ chức, **cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân**. Bảo vệ tài nguyên nước phải lấy phòng ngừa là chính, gắn với việc bảo vệ, phát triển **nguồn sinh thủy**, kết hợp với bảo vệ số lượng, chất lượng nước và hệ sinh thái thủy sinh, khắc phục, hạn chế suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước **có tính đến tác động của biến đổi khí hậu**.

5. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, **bền vững**; bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, công bằng, hợp lý, hài hòa lợi ích, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các tổ chức, cá nhân. **Mọi hoạt động**

khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, nước biển đều phải được quản lý, cấp phép hoặc đăng ký theo quy định của Luật này.

6. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải có kế hoạch và biện pháp chủ động; bảo đảm kết hợp hài hòa lợi ích của cả nước, các vùng, ngành, địa phương; kết hợp giữa khoa học, công nghệ hiện đại với kinh nghiệm truyền thống của nhân dân và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

7. Các quy hoạch ***có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh*** phải gắn với khả năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư; ***các quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch thủy lợi, quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều và các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có khai thác, sử dụng nước khác phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước.***

8. Bảo đảm chủ quyền và ***toàn vẹn*** lãnh thổ, lợi ích quốc gia, công bằng, hợp lý trong bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ***có tính đến tác động của biến đổi khí hậu*** đối với các nguồn nước liên quốc gia.

9. ***Bảo đảm an ninh nguồn nước phải được thực hiện trên cơ sở kết hợp các giải pháp công trình và phi công trình trong việc bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, các tác động của nguồn nước liên quốc gia và giảm thiểu rủi ro thiệt hại từ các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước.***

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước

1. ***Nhà nước thực hiện hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa công tác quản lý tài nguyên nước hướng tới quản trị tài nguyên nước quốc gia trên nền tảng công nghệ số, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực trong công tác quản lý tài nguyên nước.***

2. Ưu tiên đầu tư tìm kiếm, thăm dò, khai thác nguồn nước, có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư khai thác nước để ***cấp*** nước sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước ngọt.

3. ***Bố trí kinh phí*** thực hiện điều tra cơ bản, quy hoạch về tài nguyên nước; xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên nước, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, nâng cao khả năng dự báo tài nguyên nước, ô nhiễm nguồn nước, lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra; hỗ trợ phát triển nguồn nước và phát triển cơ sở hạ tầng về tài

nguyên nước.

4. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản; bảo vệ, phát triển tài nguyên nước; phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra và các hoạt động khác liên quan thuộc trách nhiệm đầu tư của Nhà nước.

5. Đầu tư và có cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để quản lý, bảo vệ, phát triển các nguồn nước, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để tái sử dụng, xử lý nước mặn, nước lợ thành nước ngọt, thu gom, sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất, phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

6. Mở rộng, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế và thực hiện cam kết quốc tế về tài nguyên nước.

Điều 6. Phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước, hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước tuyên truyền, **phổ biến**, vận động nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; giám sát việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Điều 7. Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước

1. Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước là căn cứ để thực hiện các nội dung quản lý tài nguyên nước theo lưu vực sông, nguồn nước.

2. Danh mục lưu vực sông bao gồm:

- a) Lưu vực sông liên tỉnh;
- b) Lưu vực sông nội tỉnh.

3. Danh mục nguồn nước bao gồm:

- a) Nguồn nước liên tỉnh;
- b) Nguồn nước nội tỉnh;
- c) Nguồn nước liên quốc gia.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập danh mục lưu vực sông liên tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành; lập, ban hành danh mục lưu vực sông nội tỉnh, danh mục nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, ban hành danh mục nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn.

Điều 8. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia

1. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

- a) *Số lượng, chất lượng tài nguyên nước;*
- b) *Số liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;*
- c) *Số liệu về kiểm kê, điều tra, đánh giá tài nguyên nước, quy hoạch về tài nguyên nước;*
- d) *Thông tin về cấp phép, đăng ký tài nguyên nước;*
- đ) *Danh mục lưu vực sông; danh mục nguồn nước; danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; chức năng nguồn nước; dòng chảy tối thiểu; ngưỡng khai thác nước dưới đất và các thông tin khác về tài nguyên nước.*

2. Hệ thống thông tin tài nguyên nước được quy định như sau:

a) *Nhà nước đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên nước bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; bảo đảm để cho tổ chức, cá nhân được truy cập, sử dụng dữ liệu và cập nhật thông tin vào hệ thống theo quy định của pháp luật.*

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tài trợ, hỗ trợ, ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên nước;

b) *Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin tài nguyên nước quốc gia, công cụ hỗ trợ ra quyết định để điều hòa, phân phối điều tiết nguồn nước; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin tài nguyên nước bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống thông tin tài nguyên nước quốc gia.*

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước được quy định như sau:

a) *Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước là tập hợp thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước được xây dựng, cập nhật, lưu trữ và quản lý đáp ứng yêu cầu truy nhập, cung cấp, sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương, phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, cung cấp dịch vụ công về tài nguyên nước;*

b) *Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước tại địa phương;*

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai cơ sở dữ liệu tài nguyên nước tại địa phương; bảo đảm tích hợp, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia;

d) Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan chỉ đạo việc kết nối liên thông cơ sở dữ liệu chuyên ngành để cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước. Việc kết nối liên thông phải bảo đảm hiệu quả, an toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài nguyên nước cho cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước thông qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 9. Dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước

1. Các dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước gồm dịch vụ hành chính công về tài nguyên nước và dịch vụ công khác về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước bảo đảm kết nối, liên thông, thuận tiện, đơn giản, an toàn cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo quy định của Chính phủ về cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Đổ chất thải, rác thải, đổ hoặc làm rò rỉ các chất độc hại vào nguồn nước; các hành vi khác gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

2. Xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường vào nguồn nước mặt, nước biển.

3. Xả khí thải độc hại trực tiếp vào nguồn nước; xả nước thải vào nguồn nước dưới đất.

4. Lấp sông, suối, kênh, rạch; đặt vật cản, chướng ngại vật, xây dựng công trình kiến trúc, trồng cây trái phép gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước ở các sông, suối, hồ, kênh, rạch.

5. Khai thác trái phép cát, sỏi, bùn, đất và các loại khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa; khai thác khoáng sản, khoan, đào, xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc, công trình và các hoạt động khác trong hành lang bảo vệ nguồn nước gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa.

6. Phá hoại công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

7. Làm sai lệch thông tin, dữ liệu tài nguyên nước.

8. Thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trái phép.

9. Không tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

10. Xây dựng hồ chứa, đập, công trình khai thác nước trái quy hoạch về tài nguyên nước, **quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan.**

CHƯƠNG II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN, CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Mục 1

ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 11. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước

1. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, làm căn cứ cho hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước.

2. Căn cứ lập quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm:

a) Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, chiến lược tài nguyên nước;

b) Kết quả thực hiện quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước kỳ trước.

3. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Xác định các yêu cầu về thông tin, số liệu về tài nguyên nước, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên cả nước;

b) Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện điều tra cơ bản hoặc kết quả thực hiện quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước kỳ trước;

c) Xác định các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước theo quy định tại **Điều 12** của Luật này cần tiến hành đối với các lưu vực sông, các vùng, các nguồn nước và **thứ tự ưu tiên** thực hiện trong thời kỳ quy hoạch; **xác định danh mục nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia;**

d) Giải pháp, kinh phí, kế hoạch và tiến độ thực hiện.

4. Thời kỳ quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước là 10 năm, tầm nhìn là 20 năm.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Căn cứ quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được

phê duyệt, Bộ Tài nguyên môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của mình.

Điều 12. Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước

1. Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước để thu thập thông tin, xây dựng dữ liệu phục vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước hoặc yêu cầu thông tin, số liệu về tài nguyên nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

Kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước sử dụng nguồn ngân sách nhà nước phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, thẩm tra theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm các hoạt động sau đây:

- a) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước;
- b) Kiểm kê tài nguyên nước;
- c) Xây dựng báo cáo tài nguyên nước quốc gia;
- d) Xây dựng và duy trì hệ thống mạng quan trắc, giám sát, **cảnh báo, dự báo** tài nguyên nước;
- đ) Xây dựng báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh, ngành, lĩnh vực gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

3. Nội dung hoạt động điều tra, đánh giá tài nguyên nước quy định tại điểm a khoản 2 Điều này bao gồm:

a) **Điều tra**, đánh giá số lượng và chất lượng các nguồn nước; tìm kiếm nguồn nước dưới đất; **đánh giá diễn biến dòng chảy, hiện trạng bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; đo đạc khảo sát, lập mặt cắt sông, suối;**

b) **Điều tra**, đánh giá tình hình suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước mặt, nước dưới đất;

c) **Điều tra, đánh giá** hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

d) Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước;

đ) Xác định dòng chảy tối thiểu trong sông, ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước, các khu vực trữ nước, **khu vực phát triển nguồn nước**, khu vực cần hạn chế khai thác nước **dưới đất**;

e) Xác định khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 13. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước

1. Điều tra cơ bản tài nguyên nước phải bảo đảm nguyên tắc thống nhất, đồng bộ, bảo đảm tính kế thừa và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực.

2. Các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước quy định tại điểm b và

điểm c khoản 2 Điều 12 thực hiện theo định kỳ 05 năm một lần, hằng năm đối với hoạt động quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 12 và thường xuyên duy trì hệ thống mạng quan trắc, giám sát, cảnh báo, dự báo tài nguyên nước quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 của Luật này.

3. Hoạt động điều tra, đánh giá tài nguyên nước quy định tại khoản 3 Điều 12 của Luật này, được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch hoặc đột xuất để phục vụ các nhiệm vụ cấp thiết trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

4. Kinh phí cho hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm từ nguồn sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp bảo vệ môi trường và đầu tư xây dựng cơ bản.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện *và tổng hợp kết quả* điều tra cơ bản tài nguyên nước của cả nước;

b) Quy định cụ thể việc quan trắc tài nguyên nước.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên phạm vi địa bàn theo phân cấp của Chính phủ *và cập nhật vào hệ thống thông tin dữ liệu theo quy định của Luật này.*

7. Các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước sử dụng ngân sách nhà nước phải cập nhật thông tin, kết quả điều tra vào hệ thống thông tin tài nguyên nước sau khi được thẩm định, thẩm tra theo quy định.

8. Chính phủ quy định *chi tiết Điều này.*

Mục 2

CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 14. Chiến lược tài nguyên nước

1. Việc lập chiến lược tài nguyên nước phải bảo đảm các nguyên tắc và căn cứ sau đây:

a) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch *tổng thể quốc gia*; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

b) Đáp ứng nhu cầu về sử dụng nước cho sinh hoạt, sản xuất, phát triển bền vững kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; bảo vệ tài nguyên nước và phòng, chống có hiệu quả tác hại do nước gây ra; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước;

c) Nhu cầu sử dụng, khả năng đáp ứng của nguồn nước và khả năng hợp tác quốc tế; điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

d) Kết quả điều tra cơ bản, dự báo tài nguyên nước, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với các nguồn nước.

2. Chiến lược tài nguyên nước có các nội dung chính sau đây:

a) Quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo, tầm nhìn, mục tiêu về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

b) Định hướng, nhiệm vụ và giải pháp tổng thể về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, các đề án, dự án ưu tiên thực hiện trong từng giai đoạn trong kỳ lập chiến lược.

3. Chiến lược tài nguyên nước được xây dựng cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 20 năm theo kỳ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập chiến lược tài nguyên nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 15. Quy hoạch về tài nguyên nước

1. Quy hoạch về tài nguyên nước bao gồm:

a) Quy hoạch tài nguyên nước là quy hoạch ngành quốc gia ***được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập quy hoạch tài nguyên nước;***

b) Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng và được lập cho thời kỳ 10 năm, tầm nhìn từ 20 năm đến 30 năm.

2. Đối tượng của quy hoạch về tài nguyên nước là nước mặt, nước dưới đất.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước tổ chức lập nội dung phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh và phải căn cứ vào quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

Điều 16. Căn cứ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh

1. Chiến lược tài nguyên nước, ***quy hoạch tài nguyên nước.***

2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và điều kiện cụ thể của từng lưu vực sông, từng vùng, tiềm năng thực tế của nguồn nước và dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước.

3. Nhu cầu khai thác, sử dụng nước của các ngành, địa phương và bảo vệ môi trường.

4. Kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước.

5. Định mức, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

6. Quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trong trường hợp có liên quan đến nguồn nước liên quốc gia.

7. Nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 17. Nguyên tắc lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh

1. Việc lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm tính toàn diện giữa nước mặt và nước dưới đất, giữa khai thác, sử dụng tài nguyên nước với bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

b) Bảo đảm phân bổ hài hòa lợi ích sử dụng nước giữa các địa phương, các ngành, giữa thượng lưu và hạ lưu;

c) Bảo đảm dựa trên kết quả của hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước;

d) Bảo đảm là một trong những cơ sở cho việc lập các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác có khai thác, sử dụng nước, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt.

2. Trường hợp nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong quy hoạch có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, *kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt* mâu thuẫn với quy hoạch về tài nguyên nước đã được phê duyệt thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch về tài nguyên nước.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường lập, điều chỉnh danh mục các lưu vực sông liên tỉnh cần lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 18. Nhiệm vụ quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh

1. Nhiệm vụ lập quy hoạch *tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh* bao gồm các nội dung *chính* sau đây:

a) Căn cứ lập quy hoạch;

b) Tổng quan về lưu vực sông lập quy hoạch;

c) Xác định đối tượng, phạm vi, nội dung lập quy hoạch;

d) Xác định giải pháp, kinh phí, kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch;

đ) Trách nhiệm của cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch *tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh* có trách nhiệm phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

Điều 19. Nội dung của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh và phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh

1. Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Đánh giá tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến hoạt động khai thác, sử dụng

tài nguyên nước;

b) Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước;

c) Đánh giá **hiện trạng** số lượng, chất lượng của nguồn nước; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

d) Đánh giá hiện trạng bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

đ) Rà soát, tổng hợp các công trình khai thác, sử dụng và phát triển tài nguyên nước hiện có và quy hoạch trong quy hoạch ngành quốc gia, kỹ thuật chuyên ngành có khai thác, sử dụng nước; dự báo nhu cầu sử dụng nước cho các ngành trong thời kỳ quy hoạch;

e) Dự báo xu thế biến động **số lượng, chất lượng nguồn nước trong thời kỳ quy hoạch;**

g) Phân vùng chức năng của nguồn nước;

h) Ngưỡng, lượng nước có thể khai thác của nguồn nước;

i) Các vấn đề về tài nguyên nước cần giải quyết trong thời kỳ quy hoạch;

k) Quan điểm, mục tiêu của quy hoạch;

l) Định hướng điều hòa, phân bổ, bảo vệ và phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra theo quy định của khoản 2 Điều này;

m) Giải pháp, kinh phí, kế hoạch **thực hiện** và giám sát việc thực hiện công tác quy hoạch.

2. Nội dung chính quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều này gồm:

a) Xác định tỷ lệ phân bổ lượng nước, thứ tự ưu tiên trong trường hợp hạn hán, thiếu nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt;

b) Xác định nhu cầu chuyển nước giữa các tiểu lưu vực trong lưu vực sông, nhu cầu chuyển nước với lưu vực sông khác;

c) Xác định các công trình điều tiết, **trữ nước**, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước;

d) Xác định các công trình, phi công trình bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt, giảm thiểu tác hại do nước gây ra;

đ) Xác định các vùng, tiểu lưu vực sông, nguồn nước ưu tiên lập kế hoạch chi tiết điều hòa, phân bổ, bảo vệ và phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

3. Nội dung phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh bảo đảm các nội dung theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các

nội dung sau đây:

a) Đánh giá số lượng, chất lượng của nguồn nước trên địa bàn tỉnh; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; hiện trạng bảo vệ tài nguyên nước và phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

b) Dự báo nhu cầu sử dụng nước trong thời kỳ quy hoạch;

c) Định hướng đầu tư xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh

1. Rà soát quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh được thực hiện như sau:

a) Quy hoạch được rà soát theo định kỳ 05 năm để điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức rà soát quy hoạch;

c) Kết quả rà soát quy hoạch phải được báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

2. Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Có sự điều chỉnh về chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, chiến lược tài nguyên nước làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Các dự án công trình trọng điểm quốc gia mới được hình thành làm ảnh hưởng lớn đến tài nguyên nước;

c) Có sự biến động về điều kiện tự nhiên tác động lớn đến tài nguyên nước.

3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng và phải dựa trên kết quả phân tích, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt, những yếu tố ảnh hưởng đến việc điều chỉnh quy hoạch, bảo đảm tính kế thừa và chỉ điều chỉnh những nội dung thay đổi.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh quyết định việc điều chỉnh quy hoạch đã phê duyệt. Trường hợp điều chỉnh vùng chức năng của nguồn nước; bổ sung, điều chỉnh hoặc đưa ra khỏi quy hoạch công trình điều tiết, trữ nước, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước và điều chỉnh các nội dung khác mà không làm thay đổi quan điểm, mục tiêu, nội dung chính của Quy hoạch thì Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định việc điều chỉnh sau khi có ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương liên quan.

5. Việc lập, lấy ý kiến, thẩm định đối với việc điều chỉnh quy hoạch **tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh** được thực hiện như việc lập quy hoạch **tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh**.

Điều 21. Thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh phải được lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, tổ chức lưu vực sông, tổ chức có liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh **tự thực hiện hoặc** có quyền thuê đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

4. Định mức, đơn giá, quy định kỹ thuật và **hồ sơ** quy hoạch **tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh** theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

Điều 22. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh

1. **Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố quy hoạch, đăng tải thường xuyên, liên tục quy hoạch trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời thông báo đến bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương liên quan. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lưu vực sông lập quy hoạch đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của địa phương. Các hoạt động công bố thông tin phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.**

2. Tổ chức lưu vực sông có trách nhiệm đề xuất, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; kiến nghị giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

3. Các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để thực hiện quyền giám sát, đề xuất các biện pháp thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

4. Tổ chức, cá nhân trước khi đề xuất điều chỉnh, bổ sung công trình khai thác, sử dụng nước vào quy hoạch do các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập phải được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định về sự phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, chức năng nguồn nước, khả năng nguồn nước trước khi trình cấp thẩm quyền xem xét bổ sung vào quy hoạch.

5. Các thông tin dữ liệu, các bộ công cụ để phục vụ xây dựng quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh phải được quản lý trên nền tảng công nghệ số, được cập nhật thường xuyên, liên tục, kết nối vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước để hỗ trợ quá trình ra quyết định việc điều hoà, phân bổ tài nguyên nước trên các lưu vực sông. Thông tin, dữ liệu về quy hoạch phải liên kết, liên thông với hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định pháp luật về quy hoạch.

6. Đối với các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch điều chỉnh có khai thác, sử dụng tài nguyên nước do các bộ, cơ quan ngang bộ lập phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sự phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, chức năng nguồn nước, khả năng nguồn nước.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.

CHƯƠNG III

BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ PHỤC HỒI NGUỒN NƯỚC

Điều 23. Chức năng nguồn nước

1. Chức năng nguồn nước là một trong các căn cứ để xem xét việc điều hoà, phân phối tài nguyên nước; lựa chọn các giải pháp quản lý, bảo vệ nguồn nước, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; xem xét, quyết định việc chấp thuận, phê duyệt, cấp phép cho các dự án có hoạt động khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn nước phải được phân vùng chức năng theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ nguồn nước.

3. Nguồn nước có một hoặc nhiều chức năng cơ bản sau đây:

a) Cấp nước cho sinh hoạt;

b) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

c) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp;

d) Cấp nước cho giao thông thủy, thủy điện, thể thao và du lịch;

đ) Bảo tồn hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và giá trị văn hoá;

e) Tạo cảnh quan, môi trường; bảo vệ, bảo tồn sự phát triển hệ sinh thái thủy sinh, đa dạng sinh học; tiêu thoát lũ.

4. Chức năng nguồn nước được xác định căn cứ vào hiện trạng, nhu cầu khai thác, sử dụng nước của các ngành, các yêu cầu về bảo vệ, bảo tồn hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và giá trị văn hoá, tạo cảnh quan, môi trường, hệ

sinh thái thủy sinh, đa dạng sinh học, tiêu thoát lũ và khả năng đáp ứng của nguồn nước.

5. Chức năng nguồn nước, vùng chức năng nguồn nước được xác định trong quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, quy hoạch tỉnh.

Trường hợp chưa có quy hoạch hoặc quy hoạch chưa thể hiện chức năng của nguồn nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước liên tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước nội tỉnh. Ưu tiên thực hiện việc xác định chức năng đối với các nguồn nước quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội.

6. Chức năng của nguồn nước được xem xét, điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau:

a) Có sự điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến nhu cầu khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước;

b) Có sự thay đổi lớn về khả năng đáp ứng của nguồn nước mà chưa có biện pháp khắc phục.

7. Việc xả nước thải vào nguồn nước phải phù hợp với chức năng nguồn nước và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 24. Hành lang bảo vệ nguồn nước

1. Hành lang bảo vệ nguồn nước được lập để thực hiện các chức năng sau đây:

a) Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước;

b) Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước;

c) Bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước;

d) Tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước.

2. Nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ bao gồm:

a) Hồ chứa thủy điện, thủy lợi và các hồ chứa nước khác;

b) Hồ tự nhiên, nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung; hồ, ao lớn có chức năng điều hòa ở các khu vực khác; đầm, phá tự nhiên;

c) Sông, suối, kênh, rạch là nguồn cấp nước hoặc có tầm quan trọng đối với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường;

d) Các nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa và bảo vệ, phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

3. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Không được gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa;

b) Không làm ảnh hưởng đến các chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Không gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường sinh thái trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước;

d) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa quy định tại điểm a khoản 2 Điều này có trách nhiệm cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định và bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ.

Đối với hồ chứa thủy lợi thì mốc hành lang bảo vệ nguồn nước được xác định trùng với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

5. Trường hợp mốc hành lang bảo vệ nguồn nước các sông, suối được xác định trùng với mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng thì sử dụng mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng theo quy định của pháp luật về giao thông thủy.

6. Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, xác định danh mục của các sông, suối phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; lập, cắm mốc và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này.

7. Chính phủ quy định chi tiết việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

Điều 25. Dòng chảy tối thiểu

1. Các sông, suối, hồ chứa, đập dâng phải xác định dòng chảy tối thiểu:

a) Sông, suối có hồ chứa, đập dâng, các công trình chuyển nước, khai thác nước lớn có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, hệ sinh thái thủy sinh, các hoạt động văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng;

b) Các hồ chứa, đập dâng xây dựng trên các sông, suối có quy mô thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, trừ trường hợp đã đi vào vận hành mà không thể điều chỉnh, bổ sung hạng mục công trình xả dòng chảy tối thiểu và do cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước xem xét, quyết định.

2. Dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu hồ chứa, đập dâng là một trong những căn cứ để xem xét trong quá trình thẩm định, quyết định phê duyệt

các nhiệm vụ sau:

a) Quy hoạch về tài nguyên nước; quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

b) Quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông;

c) Phương án điều hòa, phân phối nguồn nước trên lưu vực sông; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm;

d) Dự án xây dựng hồ chứa, đập dâng trên các sông, suối; dự án chuyển nước lưu vực sông;

đ) Cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

e) Các dự án có liên quan trực tiếp đến việc duy trì, bảo đảm dòng chảy tối thiểu trên sông, suối.

3. Việc xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu hồ chứa, đập dâng phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Phải được thực hiện đối với từng vị trí cụ thể trên sông, suối và phải bảo đảm tính hệ thống trên lưu vực sông;

b) Bảo đảm công bằng, hợp lý, hài hòa lợi ích, bình đẳng về quyền lợi giữa các đối tượng khai thác, sử dụng nước, giữa các địa phương ở thượng du và hạ du;

c) Phù hợp với đặc điểm nguồn nước, chế độ dòng chảy trên sông suối, đặc điểm địa hình, nhu cầu sử dụng nước, vai trò của sông, suối trong hệ thống sông và các chức năng khác của nguồn nước; phù hợp với quy mô, phương thức khai thác, khả năng vận hành điều tiết nước của hồ chứa;

d) Phù hợp với các thỏa thuận và cam kết chia sẻ lợi ích trong khai thác sử dụng nước với các quốc gia láng giềng có chung nguồn nước.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường lập, điều chỉnh danh mục và chủ trì, thực hiện việc xác định, điều chỉnh giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối liên tỉnh, liên quốc gia; công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối liên tỉnh và phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu sau hồ chứa, đập dâng thuộc thẩm quyền cấp phép; hướng dẫn việc xác định dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, điều chỉnh danh mục và chủ trì, thực hiện việc xác định, điều chỉnh giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh; công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh và phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu sau hồ chứa, đập dâng thuộc thẩm quyền cấp phép.

6. Việc rà soát, điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối được thực hiện định kỳ năm (05) năm một lần hoặc có sự điều chỉnh quy hoạch liên quan đến khai thác, sử dụng nước; có dự án, công trình khai thác, sử dụng nước mới

được hình thành làm thay đổi lớn đến chế độ dòng chảy trên sông, suối; có sự biến động về điều kiện tự nhiên tác động lớn đến nguồn nước.

7. Tổ chức, cá nhân là chủ hồ chứa, đập dâng phải thực hiện việc xác định dòng chảy tối thiểu sau hồ chứa, đập dâng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu.

Điều 26. Ngưỡng khai thác nước dưới đất

1. Ngưỡng khai thác nước dưới đất là một trong những căn cứ để xem xét trong quá trình thẩm định, quyết định phê duyệt các nhiệm vụ sau:

a) Quy hoạch về tài nguyên nước; quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước; quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

b) Phương án điều hòa, phân phối nguồn nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm;

c) Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất;

d) Các dự án, giải pháp bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

2. Việc xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất phải bảo đảm các yêu cầu nguyên tắc sau đây:

a) Phải được thực hiện đối với từng khu vực, tầng chứa nước;

b) Không gây xâm nhập mặn, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, sụt, lún đất, tác động xấu tới nguồn nước mặt và môi trường liên quan;

c) Cân bằng giữa lượng nước khai thác với lượng bổ cập hằng năm cho tầng chứa nước và mối quan hệ với các tầng chứa nước liên quan;

d) Bảo đảm yêu cầu bảo vệ nguồn nước dưới đất, đồng thời phải bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan và các địa phương.

3. Ngưỡng khai thác nước dưới đất được xác định căn cứ vào đặc điểm của nguồn nước; hiện trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng; các yêu cầu về bảo vệ nguồn nước dưới đất và yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của vùng, địa phương.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất tại Điều này.

Điều 27. Bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy

*Việc **thăm dò**, khai thác khoáng sản, xây dựng cầu, bến tàu hoặc công trình khác ngăn, vượt sông, suối, kênh, rạch; đặt đường ống hoặc dây cáp bắc qua sông, suối, kênh, rạch, đặt lồng bè trên sông không được cản trở dòng chảy và phù hợp với tiêu chuẩn phòng, chống lũ, các yêu cầu kỹ thuật liên quan khác theo quy định của pháp luật.*

Điều 28. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt

1. Tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt. Người phát hiện hành vi gây hủy hoại, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt có trách nhiệm ngăn chặn và kịp thời báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trong phạm vi địa phương theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện các biện pháp theo dõi, giám sát, bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương.

4. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương xây dựng, trình Chính phủ hướng dẫn phân loại công trình cấp nước, xây dựng phương án bảo vệ công trình cấp nước.

Căn cứ quy mô, phạm vi cấp nước, nhiệm vụ, tầm quan trọng, vị trí khai thác nước, Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt quan trọng đặc biệt.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình có phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh nằm trên địa bàn hai (02) tỉnh trở lên.

6. Nhà nước ưu tiên phục hồi các nguồn nước có chức năng cấp nước sinh hoạt khi bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.

Điều 29. Bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác

1. Việc sử dụng *phân bón*, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các loại hóa chất khác trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, không được gây ô nhiễm.

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khai khoáng và các hoạt động sản xuất khác không được xả nước thải chưa *được xử lý đạt* quy chuẩn kỹ thuật *môi trường* vào nguồn nước *mặt, biển*; *xả nước thải vào nguồn nước dưới đất*;

trường hợp sử dụng hóa chất độc hại thì phải có biện pháp bảo đảm an toàn, không được để rò rỉ, thất thoát dẫn đến gây ô nhiễm.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích giao thông vận tải thủy, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học và các mục đích khác không được gây ô nhiễm.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để kiểm soát việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất nông nghiệp bảo đảm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và không ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước.

Điều 30. Bảo vệ nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác nước dưới đất; khảo sát địa chất công trình, xử lý nền móng công trình xây dựng, xây dựng công trình ngầm; thăm dò địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí các dự án có hoạt động khoan, đào khác phải thực hiện việc trám lấp giếng sau khi đã sử dụng xong **và không có kế hoạch tiếp tục sử dụng** hoặc bị hỏng.

2. Tổ chức, cá nhân thiết kế, thi công các công trình **khoan, đào, thí nghiệm trong các dự án điều tra, đánh giá**, thăm dò, khai thác nước dưới đất; khảo sát địa chất công trình, **xử lý nền móng công trình xây dựng, xây dựng công trình ngầm**; thăm dò địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí; **bơm hút nước tháo khô mỏ, tháo khô hồ móng xây dựng gây hạ thấp mực nước dưới đất** và các hoạt động khoan, đào, thí nghiệm khác có ảnh hưởng đến nguồn nước dưới đất phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế, thi công bảo đảm yêu cầu về bảo vệ nước dưới đất **và bảo vệ môi trường nước dưới đất theo quy định của pháp luật về môi trường**.

3. **Tại các** khu vực có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và có nguy cơ bị hạ thấp quá mức; khu vực bị sụt, lún đất do khai thác nước dưới đất; khu vực có nguồn nước dưới đất bị xâm nhập mặn; **khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định của pháp luật về tài nguyên môi trường biển và hải đảo phải được khoanh định, công bố vùng hạn chế và thực hiện các biện pháp kiểm soát, hạn chế việc khai thác nước dưới đất**.

Căn cứ vào hiện trạng nguồn nước dưới đất, nhu cầu khai thác, sử dụng nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc khoanh định các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh. Trường hợp nguồn nước dưới đất đã phục hồi thì đưa ra khỏi danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

4. **Hóa chất, chất phóng xạ sử dụng để thí nghiệm trong thăm dò, khai thác nước dưới đất phải nằm trong danh mục hóa chất được phép sử dụng theo quy định của pháp luật, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường và nguồn nước.**

5. **Căn cứ hiện trạng nguồn nước dưới đất tại từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ**

nước dưới đất. Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất được định kỳ rà soát năm (05) năm một lần và điều chỉnh khi cần thiết.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động khoan, đào, thí nghiệm và quy chuẩn kỹ thuật trám lấp giếng không sử dụng để bảo vệ nước dưới đất; quy định chi tiết nội dung kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

7. Chính phủ quy định *chi tiết* khoản 3 **Điều này**.

Điều 31. Bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy

1. Nhà nước có kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn và các loại rừng khác, thực hiện các chương trình phủ xanh đất trống, đồi, núi trọc, mở rộng thảm thực vật nhằm chống xói mòn đất, tăng cường khả năng giữ nước của đất, bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy.

2. Các tổ chức, cá nhân khai thác rừng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khai thác, bảo vệ rừng theo quy định của **pháp luật về lâm nghiệp**, không làm suy thoái rừng đầu nguồn.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hồ chứa, các dự án khai thác, chế biến khoáng sản và các hoạt động khác có sử dụng hoặc ảnh hưởng đến diện tích rừng phải trồng bù diện tích rừng đã bị mất do việc xây dựng công trình hoặc đóng góp kinh phí trồng rừng theo quy định trong trường hợp địa phương không bố trí được quỹ đất để trồng rừng mới.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa phải đóng góp kinh phí cho hoạt động bảo vệ rừng thuộc phạm vi lưu vực của hồ chứa và tham gia các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn **theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp**.

Điều 32. Bảo vệ nguồn nước liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa

1. Nguồn nước liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa bao gồm:

a) Nguồn nước gắn liền với vùng đất ngập nước quan trọng, có giá trị đa dạng sinh học cao theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học;

b) Nguồn nước gắn liền với di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, tôn giáo, tín ngưỡng đã được xếp hạng hoặc khoanh vùng bảo vệ theo quy định pháp luật về di sản văn hóa;

c) Nguồn nước gắn liền với di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về môi trường.

2. Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước quy định tại khoản 1 Điều này phải được kiểm soát, giám sát chặt chẽ, bảo đảm

không ảnh hưởng đến giá trị của nguồn nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, văn hóa và bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Nhà nước ưu tiên phục hồi các nguồn nước quy định tại khoản 1 Điều này khi bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.

Điều 33. Phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước

1. Quy hoạch đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, ***khu công nghệ cao***, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề phải phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn nước, ***phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước trên cơ sở quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh và không nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước ở các đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ sạt, lở; không bố trí dân cư ở ven các đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ sạt, lở.***

2. ***Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước*** làm suy giảm chức năng của nguồn nước, gây sạt, lún đất, suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Không xây dựng mới các bệnh viện, cơ sở y tế điều trị bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải, cơ sở sản xuất hóa chất độc hại, cơ sở sản xuất, chế biến có nước thải nguy hại trong hành lang bảo vệ nguồn nước.

4. Nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được thu gom xử lý, kiểm soát và có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. ***Các hồ chứa, đập dâng và công trình khai thác, sử dụng nước khác khai thác nước không hiệu quả, gây suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng thì phải cải tạo, nâng cấp, chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc phá dỡ.***

6. ***Trường hợp sử dụng mặt nước sông, suối, hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí, điện mặt trời và các hoạt động khác có sử dụng mặt nước thì tổ chức, cá nhân sử dụng mặt nước phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.***

Trường hợp sử dụng mặt nước hồ chứa, tổ chức, cá nhân sử dụng mặt nước còn phải có văn bản thoả thuận của tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7. ***Tổ chức, cá nhân khai thác mỏ hoặc xây dựng công trình, nếu tiến hành hoạt động bơm hút nước, tháo khô dẫn đến hạ thấp mực nước dưới đất gây cạn kiệt nguồn nước thì phải dừng ngay việc bơm hút nước và thực hiện các biện pháp hạn chế, khắc phục theo chỉ đạo của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.***

8. Ao, hồ chứa nước thải, khu chứa nước thải **phải thực hiện** theo **quy định pháp luật về bảo vệ môi trường**, bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

9. Chính phủ quy định chi tiết khoản 5, 6 Điều này.

Điều 34. Phòng, chống ô nhiễm nước biển

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển phải có phương án, trang thiết bị, nhân lực bảo đảm phòng ngừa, hạn chế ô nhiễm nước biển.

Trường hợp để xảy ra sự cố gây ô nhiễm nước biển phải kịp thời xử lý, khắc phục sự cố và phải thông báo ngay tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thải từ các hoạt động ở vùng ven biển, hải đảo và các hoạt động trên biển phải được kiểm soát, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải vào biển.

Điều 35. Phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước

1. **Việc phục hồi nguồn nước thông qua điều chỉnh chế độ vận hành, bổ sung, nâng cấp các công trình điều tiết, khai thác để cải thiện khả năng lưu thông dòng chảy, số lượng, chất lượng của nguồn nước, khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất; giảm thiểu mức độ ô nhiễm; khôi phục hệ sinh thái tự nhiên và các giá trị về kinh tế, sinh thái, giá trị văn hoá, lịch sử gắn liền nguồn nước.**

2. Các nguồn nước phải được phân loại theo mức độ, phạm vi **suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm** và lập thứ tự ưu tiên để có kế hoạch phục hồi.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phục hồi nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phục hồi nguồn nước nội tỉnh.

4. **Kinh phí phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, quỹ bảo vệ môi trường, nguồn chi trả của đối tượng gây suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.**

5. **Việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục, phục hồi môi trường sau sự cố ô nhiễm nguồn nước thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.**

6. **Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm đối với các nguồn nước liên quốc gia thì việc ứng phó, khắc phục sự cố thực hiện theo pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định sau:**

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nguồn nước liên quốc gia phải kịp thời báo cáo với Bộ Tài nguyên và Môi trường về sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia xảy ra trên địa bàn;

b) Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan tại quốc gia xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia để tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn và khắc phục hậu quả phù hợp với pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế liên quan.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU HOÀ, PHÂN PHỐI VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Mục 1

ĐIỀU HOÀ, PHÂN PHỐI TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 36. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước

1. Việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước cho các mục đích *sinh hoạt, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thủy lợi, sản xuất công nghiệp, giao thông thủy, thủy điện, thể thao và du lịch; bảo tồn hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và giá trị văn hoá; tạo cảnh quan, môi trường; bảo vệ, bảo tồn sự phát triển hệ sinh thái thủy sinh, đa dạng sinh học; tiêu thoát lũ* phải căn cứ vào quy hoạch về tài nguyên nước, khả năng, *kịch bản* của nguồn nước, *hạn ngạch khai thác, sử dụng nước có tính đến tác động của biến đổi khí hậu* và bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm *an ninh nguồn nước*, công bằng, hợp lý giữa các tổ chức, cá nhân sử dụng nước trên cùng một lưu vực sông, giữa thượng lưu với hạ lưu;

b) Ưu tiên về số lượng, chất lượng nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp góp phần bảo đảm an ninh lương thực và các nhu cầu thiết yếu khác của người dân;

c) Bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, ngưỡng khai thác nước dưới đất;

d) Kết hợp *hoặc luân phiên* khai thác, sử dụng nguồn nước mặt với khai thác, sử dụng nguồn nước dưới đất, nước mưa; tăng cường việc trữ nước trong mùa mưa để sử dụng cho mùa khô;

đ) Trong trường hợp thiếu nước, *hạn chế phân phối nguồn nước cho các hoạt động sử dụng nước chưa cấp thiết để* ưu tiên cho mục đích sinh hoạt và các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2. *Hoạt động điều hòa, phân phối tài nguyên nước thông qua việc điều phối vận hành các hồ chứa, các công trình điều tiết nguồn nước, công trình tích, trữ nước, các công trình khai thác, sử dụng khác và điều phối hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước trên các lưu vực sông và hướng tới việc điều hòa, phân phối điều tiết nguồn nước bằng công cụ hỗ trợ ra quyết định.*

3. Hằng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cơ quan chuyên môn công bố kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông.

4. Căn cứ vào kịch bản nguồn nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương theo thẩm quyền và yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng nước.

Đối với các lưu vực sông dự báo xảy ra hạn hán, thiếu nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương xây dựng phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước để chỉ đạo lập kế hoạch khai thác, sử dụng nước cho phù hợp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 37. Điều hoà, phân phối tài nguyên nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước

1. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, căn cứ vào tình hình thực tế, kết quả dự báo tình trạng hạn hán, thiếu nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương rà soát, điều chỉnh phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn được giao quản lý có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó, giảm thiểu thiệt hại trong trường hợp hạn hán, thiếu nước và các quy định sau đây:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương thực hiện việc điều tiết nước hồ chứa phục vụ sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp và các ngành kinh tế khác theo phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước; quyết định việc hạn chế phân phối nguồn nước cho các hoạt động sử dụng nhiều nước, chưa cấp thiết;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo việc điều hoà, phân phối nước trong hệ thống công trình thuỷ lợi theo quy định pháp luật về thuỷ lợi trên cơ sở phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước;

c) Bộ Công Thương chỉ đạo việc điều tiết vận hành các hồ chứa thuỷ điện trên cơ sở phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước;

d) Các bộ, cơ quan ngang bộ khác thực hiện phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước trên cơ sở phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước;

đ) Trên cơ sở phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng các nguồn nước hiện có trên địa bàn để chủ động ứng phó với tình trạng thiếu nước nhằm bảo đảm nước cho sinh hoạt và các nhu cầu sử dụng nước thiết yếu khác; chỉ đạo huy động mọi

nguồn lực để thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng thiếu nước trên địa bàn.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, tránh lãng phí và có trách nhiệm hỗ trợ chính quyền địa phương triển khai các biện pháp ứng phó, khắc phục tình trạng thiếu nước trên địa bàn.

Điều 38. Chuyển nước lưu vực sông

1. Việc *thực hiện* dự án chuyển nước *quy mô lớn, có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân trên địa bàn* phải dựa trên các căn cứ sau đây:

- a) Chiến lược tài nguyên nước, chiến lược bảo vệ môi trường;
- b) *Quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh*; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và các ngành liên quan đến khai thác, sử dụng nước trên các lưu vực sông;
- c) Đánh giá khả năng thực tế của các nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước của cả lưu vực chuyển nước và lưu vực nhận nước;
- d) Đánh giá khả năng ảnh hưởng của việc chuyển nước đến việc khai thác, sử dụng nước, duy trì dòng chảy, kiểm soát lũ, *xói lở lòng, bờ, bãi sông* và tác động đến môi trường sinh thái, đặc biệt trong mùa khô; lợi ích kinh tế của việc chuyển nước;
- đ) Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với trường hợp dự án chuyển nước có liên quan đến nguồn nước liên quốc gia.

2. Chính phủ quy định chi tiết quy mô, trình tự, thủ tục thẩm định dự án chuyển nước quy định tại Điều này.

Điều 39. Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa

1. **Đập**, hồ chứa phải có quy trình vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt *theo quy định pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa* trước khi tích nước.

2. **Đập**, hồ chứa lớn, quan trọng trên lưu vực sông phải vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa phải bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, phòng, chống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước cho hạ du và bố trí dung tích để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ của hồ chứa, bao gồm cả dung tích để phòng, chống lũ, an toàn cấp nước trong điều kiện thời tiết bình thường và điều kiện thời tiết bất thường, biến động về *nguồn* nước có tính đến *tác động của* biến đổi khí hậu.

4. Quy trình vận hành liên hồ chứa phải được xây dựng, ban hành hướng tới việc vận hành các hồ chứa theo thời gian thực nhằm bảo đảm an toàn cho

công trình, vùng hạ du, tối ưu hoá việc điều tiết nguồn nước cho các mục đích sử dụng.

Tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hồ chứa có trách nhiệm nghiên cứu, đầu tư đồng bộ các giải pháp hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các yêu cầu vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực. Tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên nước trên các lưu vực sông có trách nhiệm tham gia đóng góp kinh phí xây dựng, vận hành hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định điều tiết, vận hành liên hồ chứa và hoạt động của tổ chức lưu vực sông, bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

5. Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông phải được lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổ chức lưu vực sông, tổ chức liên quan khác trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Trách nhiệm xây dựng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường lập danh mục các **đập**, hồ chứa phải vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa; *tổ chức xây dựng, thẩm định Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.*

Trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hồ chứa đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành liên hồ chứa thì phải xây dựng phương án gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền quy trình vận hành hồ chứa *phù hợp với quy định của quy trình vận hành liên hồ chứa.*

7. Đối với các hồ chứa không nằm trong danh mục các đập, hồ chứa phải lập quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông quy định tại điểm a khoản 6 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ yêu cầu bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước, dòng chảy tối thiểu và yêu cầu phòng, chống lũ lụt, hạn hán, thiếu nước, cấp nước ở hạ du, lập danh mục các đập, hồ chứa bậc thang trên sông, suối thuộc địa bàn tỉnh cần phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành và lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi phê duyệt.

Căn cứ danh mục các đập, hồ chứa bậc thang trên sông, suối thuộc địa bàn tỉnh cần phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa bậc thang trên sông, suối và lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi ban hành.

Trường hợp các đập, hồ chứa bậc thang trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai (02) tỉnh trở lên phải có sự thống nhất giữa các tỉnh trước khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

8. Chính phủ quy định chi tiết điểm a khoản 6 và khoản 7 Điều này.

Điều 40. Bổ sung nhân tạo nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất có quy mô thuộc trường hợp phải được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại đô thị, khu dân cư tập trung, các khu, cụm công nghiệp tập trung thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất do có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và có nguy cơ bị hạ thấp quá mức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khoanh định, công bố theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Luật này có trách nhiệm trong việc bổ sung nhân tạo nước dưới đất và được xem xét miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

2. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu giải pháp và thực hiện, cung cấp dịch vụ bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

3. Nguồn nước bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất là nước mặt, nước mưa phải bảo đảm chất lượng trên cơ sở đánh giá cụ thể khả năng thích ứng về khả năng giữ và trữ nước của tầng chứa nước được bổ sung; yêu cầu về khai thác, sử dụng, bảo vệ nước dưới đất; đánh giá đầy đủ các tác động kinh tế - xã hội và môi trường.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và lộ trình thực hiện.

Điều 41. Gây mưa nhân tạo

Việc gây mưa nhân tạo phải căn cứ vào nhu cầu về nước của vùng thiếu nước và điều kiện cho phép để quyết định biện pháp, quy mô hợp lý và phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền *theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.*

Mục 2

KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 42. Quy định chung về khai thác, sử dụng tài nguyên nước

Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích sinh hoạt, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thủy lợi, sản xuất công nghiệp, giao thông thủy nội địa, thủy điện, thể thao, du lịch, dịch vụ và các mục đích khác phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Luật này và các quy định sau đây:

1. Việc đầu tư, xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước cho các mục đích phải phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh. Trường hợp chưa có quy hoạch hoặc quy hoạch không quy định thì căn cứ vào chức năng nguồn nước và khả năng của nguồn nước.

2. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải chịu sự quản lý, giám sát, điều hoà, phân phối của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo quy định và sự giám sát của tổ chức lưu vực sông.

3. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải đúng mục đích sử dụng, phù hợp với chức năng nguồn nước, khả năng của nguồn nước, phương án điều hoà, phân phối nguồn nước và theo hạn ngạch khai thác do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước quyết định.

4. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải bảo đảm yêu cầu về dòng chảy tối thiểu trên sông, suối, ngưỡng khai thác nước dưới đất; phải được đăng ký, cấp phép theo quy định.

Điều 43. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước có các quyền sau đây:

a) Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích **sinh hoạt, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thủy lợi, sản xuất công nghiệp, giao thông thủy nội địa, thủy điện, thể thao, du lịch, dịch vụ và các mục đích khác** theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Hưởng lợi từ việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

c) Được Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

d) Sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên nước theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Được dẫn nước chảy qua đất liền kề thuộc quyền quản lý, sử dụng của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật;

e) Khiếu nại, khởi kiện về các hành vi vi phạm quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các lợi ích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

g) Trường hợp phải cắt, giảm lượng nước khai thác, sử dụng khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thì được giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tương ứng với lượng nước bị cắt giảm.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật;

b) Sử dụng nước đúng mục đích, tiết kiệm, an toàn và có hiệu quả;

c) Không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác;

d) Bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng;

đ) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính; bồi thường thiệt hại do mình gây ra trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

e) Cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động **điều tra cơ bản tài nguyên nước**, nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép;

g) Khi bổ sung, thay đổi mục đích, quy mô khai thác, sử dụng thì phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp không phải xin cấp giấy phép, không phải đăng ký theo quy định tại Điều 44 của Luật này;

h) Phải cắt, giảm hoặc tăng lượng nước khai thác, sử dụng hoặc điều chỉnh chế độ khai thác, vận hành công trình khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

i) Tuân thủ theo hạn ngạch khai thác do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước quy định.

k) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước thì ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này, còn phải thực hiện đúng các nội dung trong giấy phép.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước **hợp pháp** được chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước.

Điều 44. Đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Các trường hợp phải đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, gồm:

a) Khai thác, sử dụng nước trên sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá, biển, các tầng chứa nước và các dạng tích tụ nước khác;

b) Công trình ngăn sông, suối, kênh, rạch.

2. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, cấp phép

a) Khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình, các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học, ***trới cây và rửa đường phục vụ mục đích công cộng***; khai thác, sử dụng nước biển để sản xuất muối;

b) Các công trình khai thác, sử dụng nước quy định tại khoản 1 Điều này có quy mô nhỏ;

c) Khai thác, sử dụng nước để phòng cháy, chữa cháy, phục vụ mục đích quốc phòng và an ninh;

d) Khai thác, sử dụng nước để cấp nước sinh hoạt tại các khu vực trong thời gian xảy ra tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn hoặc các sự cố ô nhiễm, dịch bệnh do cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định.

3. **Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này cấp giấy phép tài nguyên nước trước khi xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước hoặc đăng ký theo quy định.**

4. **Việc cấp phép phải bảo đảm đúng thẩm quyền, theo hạn ngạch, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; bảo đảm lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan theo nguyên tắc không ảnh hưởng đến quyền khai thác nước của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép.**

5. **Trường hợp tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, cơ quan cấp giấy phép về tài nguyên nước phải lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan Nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó trước khi cấp giấy phép tài nguyên nước.**

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân **cấp tỉnh**, Ủy ban nhân dân **cấp huyện**, **Sở Tài nguyên và Môi trường** thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, **cấp lại**, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước, **đăng ký khai thác, sử dụng nước theo thẩm quyền.**

7. Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước

a) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng dự án trong đó có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước có ảnh hưởng lớn đến **hoạt động phát triển kinh tế - xã hội**, đời sống của nhân dân trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành lấy ý kiến về **những nội dung liên quan đến phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước của dự án; tổng hợp, tiếp thu, giải trình bằng văn bản và gửi kèm theo hồ sơ cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước;**

Trường hợp dự án đầu tư có chuyển nước giữa các nguồn nước hoặc xây dựng hồ, đập trên sông thì còn phải lấy ý kiến của chính quyền địa phương và tổ chức lưu vực sông có liên quan về quy mô, phương án xây dựng công trình, phương án chuyển nước trước khi lập dự án đầu tư.

b) Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án phải công bố, công khai thông tin về những nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước của dự án và những ảnh hưởng có thể gây ra trước khi triển khai thực hiện;

c) Kinh phí thực hiện hoạt động quy định tại Khoản này do tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả.

8. Chính phủ quy định **chi tiết Điều này.**

Điều 45. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt

1. Nhà nước ưu tiên khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt bằng các biện pháp sau đây:

a) Đầu tư, hỗ trợ các dự án cấp nước sinh hoạt, nước sạch, ưu tiên đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái nghiêm trọng, **xâm nhập mặn**, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Có chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào việc tìm kiếm, thăm dò, khai thác nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt.

2. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch, sinh hoạt có trách nhiệm sau đây:

a) **Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước ổn định, an toàn, liên tục và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước;**

b) **Có phương án cấp nước dự phòng, phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm nguồn nước, thiếu nước và các sự cố khác bảo đảm cấp nước ổn định, an toàn theo quy định pháp luật về cấp nước;**

c) **Thông báo, cảnh báo về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành, công bố và kiểm soát, theo dõi, giám sát nghiêm ngặt các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;**

d) **Thực hiện các quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại Điều 54 Luật này và quan trắc, giám sát tự động liên tục chất lượng nguồn nước khai thác và kết nối, truyền dữ liệu về hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.**

3. Vùng phục vụ cấp nước là khu vực có ranh giới xác định mà tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch, sinh hoạt cho các đối tượng sử dụng nước trong khu vực đó. Vùng phục vụ cấp nước được xác định phù hợp với nhu cầu cấp nước, năng lực quản lý, tài chính của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình, khả năng nguồn nước và các yếu tố về kinh tế - kỹ thuật khác.

Việc đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch, sinh hoạt phải tuân thủ vùng phục vụ cấp nước, các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) **Một tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình cấp nước có thể có một hoặc nhiều vùng phục vụ cấp nước khác nhau, mỗi vùng phục vụ cấp nước chỉ do một tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình thực hiện dịch vụ cấp nước trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đó không bảo đảm năng lực cho toàn vùng phục vụ cấp nước;**

b) **Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình cấp nước có nghĩa vụ bảo đảm việc đấu nối các khách hàng sử dụng nước vào**

mạng lưới cấp nước trong vùng phục vụ của mình, bảo đảm cân đối nhu cầu sử dụng nước đối với các mục đích sử dụng nước khác nhau.

4. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch, sinh hoạt phải bảo đảm không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đang khai thác, sử dụng nước đã được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong vùng phục vụ cấp nước.

5. Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong phạm vi quyền hạn có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung về cấp nước trong các quy hoạch có liên quan đến cấp nước sinh hoạt cho đô thị, nông thôn bảo đảm phù hợp với chức năng nguồn nước, khả năng nguồn nước; rà soát, điều chỉnh, đồng bộ về kết cấu hạ tầng, tạo kết nối liên thông giữa các hệ thống cấp nước sinh hoạt; ban hành, thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn để bảo đảm an toàn, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu tỷ lệ thất thoát và cải thiện việc cung cấp dịch vụ cấp nước cho đô thị, nông thôn; hướng dẫn lập phương án cấp nước dự phòng, phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm nguồn nước, thiếu nước và các sự cố khác; chỉ đạo việc thực hiện các quy định về việc đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước để cấp nước sạch, sinh hoạt theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Bộ Y tế có trách nhiệm ban hành quy chuẩn về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chuẩn nước sạch trên phạm vi toàn quốc.

7. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện phương án bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt quan trọng đặc biệt theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật này.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng giám sát việc khai thác, vận hành của các công trình cấp nước sinh hoạt; chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn; thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

Điều 46. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp:

a) Có biện pháp tiết kiệm nước, phòng, chống chua, mặn, xói mòn đất và bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước;

b) *Tuân thủ theo quy trình vận hành được phê duyệt theo quy định;*

c) *Vận hành các hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm lưu thông dòng chảy, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước; phải thực hiện việc quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng nước theo quy định; giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước.*

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo rà soát điều chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa, công trình thủy lợi bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước và bảo đảm lưu thông dòng chảy trong hệ thống kênh, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước;

b) Chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu mùa, vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện nguồn nước; áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm.

Điều 47. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện

1. Việc khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện phải bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, trừ trường hợp khai thác, sử dụng nước với quy mô nhỏ; *bảo đảm các yêu cầu về an toàn đập, hồ chứa theo quy định của Chính phủ.*

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện phải tuân theo quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu nguồn nước; có trách nhiệm hỗ trợ người dân nơi có hồ chứa.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm, chỉ đạo rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa thủy điện bảo đảm an toàn, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả đa mục tiêu, phòng chống lũ, lụt, duy trì dòng chảy tối thiểu và cấp nước hạ du.

Điều 48. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản

1. Nhà nước khuyến khích đầu tư khai thác, sử dụng nước biển để sản xuất muối. Tổ chức, cá nhân sử dụng nước biển để sản xuất muối không được gây xâm nhập mặn, ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp và môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng nước đã bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước cho nuôi trồng thủy sản. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho nuôi trồng thủy sản không được làm ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, cản trở dòng chảy, hư hại công trình trên sông, gây trở ngại cho giao thông thủy và không được gây nhiễm mặn nguồn nước.

3. Việc khai thác, sử dụng nước cho nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ không được gây ảnh hưởng đến an toàn hồ chứa, đập dâng, nhiệm vụ phòng, chống lũ, cấp nước cho hạ du của hồ chứa, đập dâng.

Điều 49. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp phải tiết kiệm nước, không gây ô nhiễm nguồn nước.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho khai thác, chế biến khoáng sản phải có biện pháp thu gom, xử lý nước đã qua sử dụng đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước.

Điều 50. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy

1. Hoạt động giao thông thủy không được gây ô nhiễm nguồn nước, cản trở dòng chảy, gây hư hại lòng, bờ, bãi sông, suối, kênh, rạch và các công trình trên sông; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xây dựng và quản lý các công trình khác liên quan đến nguồn nước phải bảo đảm an toàn và hoạt động bình thường cho các phương tiện giao thông thủy và không được gây ô nhiễm nguồn nước.

3. Việc xây dựng công trình, quy hoạch tuyến, ***vận hành tuyến*** giao thông thủy phải phù hợp với quy hoạch ***về*** tài nguyên nước, ***khả năng đáp ứng yêu cầu mục nước trên các sông, suối và các yêu cầu về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.***

Điều 51. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích khác

Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, y tế, thể thao, giải trí, du lịch, và các mục đích khác phải sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, không được gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, cản trở dòng chảy và các ảnh hưởng xấu khác đến nguồn nước.

Điều 52. Thăm dò nước dưới đất và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân thăm dò nước dưới đất phải có giấy phép ***thăm dò nước dưới đất do*** cơ quan nhà nước có thẩm quyền ***cấp.***

2. Việc khoan điều tra, khảo sát, thăm dò và khoan khai thác nước dưới đất phải do tổ chức, cá nhân ***có giấy*** phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 53. Hồ chứa và khai thác, sử dụng nước hồ chứa, đập dâng

1. Việc đề xuất xây dựng hồ chứa, ***đập dâng*** trên sông, suối trong các quy hoạch phát triển của các ngành phải phù hợp với quy hoạch ***về*** tài nguyên nước, ***quy hoạch tỉnh và phải bảo đảm đa mục tiêu, chủ động trữ nước, điều hoà, phân phối nguồn nước trong nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng.***

2. ***Việc đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình hồ chứa, đập dâng và quản lý khai thác, sử dụng nguồn nước từ các hồ chứa, các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước phải bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước.***

Việc khai thác, sử dụng các nguồn nước từ hồ chứa, các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước phải bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ, khai thác, sử dụng và phòng, chống tác hại do nước gây ra theo quy định của Luật này; việc bảo đảm an toàn công trình hồ chứa, đập dâng trong đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành được thực hiện theo quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa.

3. Dự án xây dựng hồ chứa, ***đập dâng*** trên sông, suối phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) *Phù hợp với tiêu chuẩn phòng, chống lũ, các yêu cầu kỹ thuật liên quan khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; phải bảo đảm sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu;*

b) *Việc thiết kế và bố trí tổng thể công trình đầu mối phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, xả nước gia tăng về hạ du khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, sử dụng dung tích chết của hồ chứa trong trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, bảo đảm sự di cư của các loài cá, sự đi lại của phương tiện vận tải thủy đối với các đoạn sông, suối có hoạt động vận tải thủy;*

c) *Có ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định tại khoản 7 Điều 44 của Luật này;*

d) *Đối với việc đầu tư, xây dựng đập, hồ chứa nước thủy lợi phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật Thủy lợi và quy định tại Khoản này.*

4. Việc xây dựng, vận hành hồ chứa nước khác với quy định tại khoản 3 Điều này phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) *Không gây sụt, lún đất, tác động xấu đến nguồn nước và môi trường liên quan; không làm ảnh hưởng đến di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; bảo đảm các quy định về tiêu thoát nước mưa bảo đảm không gây ngập úng nhân tạo;*

b) *Việc khai thác, sử dụng nguồn nước từ hồ chứa phải được quản lý, cấp phép theo quy định của Luật này.*

5. Việc khai thác, sử dụng nước hồ chứa, đập dâng trên sông, suối phải bảo đảm các yêu cầu về cắt, giảm lũ cho hạ du, sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu và bảo đảm các nguyên tắc về điều hòa, phân phối tài nguyên nước quy định tại Điều 36 của Luật này.

6. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa, đập dâng quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm:

a) *Tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được phê duyệt; bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước, dòng chảy tối thiểu và yêu cầu phòng, chống lũ lụt, hạn hán, thiếu nước, cấp nước ở hạ du, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;*

b) *Tuân thủ theo lệnh điều hành vận hành hồ chứa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn và các trường hợp khẩn cấp khác;*

c) *Thực hiện kế hoạch, phương án điều hòa, phân phối nguồn nước trên lưu vực sông của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;*

d) *Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan ở khu vực hạ lưu hồ chứa, đập dâng trước khi vận hành xả nước về hạ du;*

đ) Quan trắc khí tượng, thủy văn và tính toán, dự báo lượng nước đến hồ phục vụ vận hành hồ chứa; **thực hiện giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Điều 54 của Luật này;**

e) Thực hiện chế độ báo cáo; các quy định khác của Luật này và pháp luật có liên quan;

g) **Thực hiện chế độ cung cấp thông tin, số liệu theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;**

h) **Xây dựng phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo pháp luật về phòng chống thiên tai và quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.**

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án sử dụng một phần dung tích chống lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa lớn, quan trọng để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án và quyết định việc sử dụng phương án khi xảy ra tình huống khẩn cấp, bất thường.

Điều 54. Giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. **Cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tiếp nhận số liệu quan trắc của tổ chức cá nhân khai thác, sử dụng và giám sát việc chấp hành quy định của giấy phép tài nguyên nước. Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải được tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.**

2. **Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước có trách nhiệm lắp đặt thiết bị đo đạc thực hiện việc quan trắc tự động, định kỳ, kết nối, truyền số liệu vào hệ thống giám sát của cơ quan quản lý nhà nước quy định để phục vụ giám sát việc khai thác, sử dụng nước của cơ quan có thẩm quyền. Thiết bị đo đạc, quan trắc phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.**

3. **Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.**

Mục 3

SỬ DỤNG NƯỚC TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ

Điều 55. Biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước phải thực hiện các biện pháp sau đây để sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả:

a) Đúng mục đích, hợp lý;

b) Có kế hoạch thay thế, loại bỏ dần phương tiện, thiết bị có công nghệ lạc

hậu, tiêu thụ nhiều nước;

c) Cải tiến, hợp lý hóa quy trình sử dụng nước; áp dụng kỹ thuật, công nghệ, thiết bị tiên tiến trong khai thác, sử dụng nước; tăng khả năng sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; tích trữ nước mưa để sử dụng;

d) Bố trí cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp với điều kiện nguồn nước; cải tiến, hợp lý hóa và áp dụng các biện pháp, công nghệ, kỹ thuật canh tác, xây dựng, duy tu, vận hành các công trình dẫn nước, giữ nước để tiết kiệm nước, ***sử dụng nước hiệu quả*** trong sản xuất nông nghiệp;

đ) Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hệ thống cấp nước phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước ổn định, an toàn, liên tục và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước;

e) Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình, hệ thống công trình thủy lợi phải áp dụng các biện pháp phòng, chống thấm và bảo đảm vận hành hệ thống với phương thức tối ưu nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước hợp lý, hiệu quả và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước.

2. Tại khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước tổ chức, cá nhân đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước phải có giải pháp tuần hoàn, tái sử dụng nước thải trong giai đoạn thiết kế dự án.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng mô hình sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; phổ biến, tuyên truyền mô hình, công nghệ, thiết bị tiết kiệm nước;

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch và chỉ đạo, hướng dẫn nghiên cứu áp dụng công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nhằm loại bỏ dần công nghệ lạc hậu, tiêu thụ nhiều nước.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương.

Điều 56. Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước, thu gom, sử dụng nước mưa, sử dụng nước được khử muối từ nước lợ, nước mặn, đầu tư thiết bị, công nghệ tiết kiệm nước, được vay vốn ưu đãi và miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật ***về thuế***.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan ban hành tiêu chí sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm.

Điều 57. Phát triển khoa học, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ xử lý nước thải, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, tái sử dụng nước và công nghệ khác nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí và xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả được ưu tiên bao gồm:

a) Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong các ngành công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp;

b) Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ xử lý nước thải, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm;

c) Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong việc vận hành điều tiết nước hồ chứa, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nước;

d) Ứng dụng giải pháp công nghệ để chế tạo mới các phương tiện, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm; cải tiến, đổi mới, nâng cấp thiết bị sử dụng nước;

đ) Ứng dụng giải pháp sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả trong quá trình thiết kế, thi công công trình xây dựng.

CHƯƠNG V

PHÒNG, CHỐNG VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

Điều 58. Trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chính phủ quyết định và chỉ đạo bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Điều 59. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của nước do thiên tai gây ra

Việc phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của lũ, lụt, nước biển dâng, mưa đá, mưa axit và các tác hại khác của nước do thiên tai gây ra được thực hiện theo quy định của pháp luật về đê điều, phòng, chống *thiên tai* và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 60. Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo

1. Nhà nước đầu tư và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng công trình trữ nước, tìm kiếm nguồn nước để chủ động ứng phó với tình trạng hạn hán, thiếu nước; xây mới, cải tạo, phục hồi các hồ, ao có chức năng cấp nước, điều hòa, phòng chống ngập lụt; ưu tiên tận dụng các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác đã bảo đảm các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản tạo thành hồ để điều hòa, tích trữ, tạo cảnh quan sinh thái, phòng, chống ngập lụt, cấp nước dự phòng.

2. Nhà nước ưu tiên thực hiện các giải pháp thu trữ, thoát nước mưa đồng bộ, tổng thể để giảm thiểu ngập úng đô thị.

3. Quy hoạch đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu du lịch, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung, quy hoạch giao thông phải hạn chế việc san lấp hồ, ao, mặt nước và có giải pháp tích trữ, tiêu thoát nước mưa bảo đảm không gây ngập úng nhân tạo.

4. Hạn chế tối đa việc cống hoá sông, suối, kênh, rạch bảo đảm khả năng tiêu thoát nước và giảm thiểu ngập úng nhân tạo, bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh.

5. Hồ chứa, đập dâng trên lưu vực sông phải vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa theo quy định tại Điều 39 Luật này.

6. Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình điều tiết, trữ nước tại các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt để bảo đảm an toàn chống lũ, chống hạn, kiểm soát mặn.

7. Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp:

a) Các hồ, ao, đầm, phá có chức năng điều hòa, cấp nước, phòng, chống ngập, úng, tạo cảnh quan sinh thái, có giá trị cao về đa dạng sinh học; liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, bảo tồn văn hóa không được san lấp và phải được lập danh mục để quản lý, bảo vệ;

b) Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp được lập, công bố và rà soát, điều chỉnh theo quy định;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường lập, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, công bố, điều chỉnh danh mục

hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trong phạm vi địa phương; **quyết định việc lấp, điều chỉnh danh mục đối với các hồ là các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều này.**

8. Tổ chức kinh tế, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để san lấp hoặc đào hồ, đầm, tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước chấp thuận bằng văn bản trước khi triển khai thực hiện.

9. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, tài nguyên nước theo thẩm quyền; xây dựng bản đồ phân vùng hạn hán, thiếu nước trên nền tảng công nghệ số và chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Luật này.

10. Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch, thiết kế xây dựng hạ tầng đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu du lịch, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung, trong đó bổ sung quy định về thấm, tích trữ, tiêu thoát nước mưa, bảo đảm bổ cập nước dưới đất và không gây ngập úng.

11. Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về thiết kế, xây dựng hạ tầng giao thông bảo đảm khả năng tiêu thoát, không gây cản trở dòng chảy, ngập lụt trên các lưu vực sông, các khu đô thị, khu dân cư tập trung.

12. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí hồ ao, đầm, phá không được san lấp theo quy định tại khoản 7 Điều này và trình tự, thủ tục ban hành văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này.

Điều 61. Phòng, chống xâm nhập mặn

1. Việc quản lý, vận hành các công ngăn mặn, giữ ngọt và các hồ chứa nước, công trình điều tiết dòng chảy phải tuân theo quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm phòng, chống xâm nhập mặn.

2. Việc thăm dò, khai thác nước dưới đất ở vùng đồng bằng, ven biển phải bảo đảm phòng, chống xâm nhập mặn cho các tầng chứa nước dưới đất.

3. Việc khai thác nước lợ, nước mặn để sử dụng cho sản xuất, **nuôi trồng thủy sản** không được gây **nhiễm** mặn các nguồn nước và làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp phải có biện pháp phòng, chống chua, mặn, xói mòn đất.

Điều 62. Phòng, chống sụt, lún đất

1. Tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất, khoan thăm dò địa

chất, thăm dò khoáng sản, dầu khí phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, phòng, chống sụt, lún đất.

2. Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác nước dưới đất phải thực hiện các biện pháp quy định trong giấy phép, tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn kỹ thuật bảo đảm không gây sụt, lún đất.

Trường hợp xảy ra sụt, lún đất thì phải dừng việc thăm dò, khai thác, đồng thời thực hiện các biện pháp khắc phục và báo ngay cho chính quyền địa phương nơi gần nhất.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, xây dựng công trình ngầm, thực hiện các hoạt động khoan, đào khác phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, phòng, chống sụt, lún đất.

4. Ở những vùng bị sụt, lún đất hoặc có nguy cơ bị sụt, lún đất do hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất gây ra thì cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước phải khoanh vùng để có biện pháp hạn chế sụt, lún đất.

Điều 63. Phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ

1. Hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ, ***hành lang bảo vệ nguồn nước*** không được gây sạt, lở, làm ảnh hưởng xấu đến sự ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ và ***chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước***.

2. ***Các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này có nguy cơ gây tác động xấu đến sự ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ phải thực hiện đánh giá tác động và có phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.***

3. ***Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, cơ quan cấp giấy phép khoáng sản phải lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước về vị trí, phạm vi, chiều sâu khai thác, thời gian và chế độ khai thác trước khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản.***

4. Các sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông phải được khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác. ***Việc khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác thực hiện theo quy định của pháp luật về khoáng sản.***

5. Bộ Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể hoạt động của tàu, thuyền trên các tuyến giao thông đường thủy để bảo đảm không gây sạt, lở bờ, bãi sông.

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương trong phạm vi chức năng, quyền hạn được giao chỉ đạo việc vận hành của các công trình thủy lợi, thủy điện; Bộ Xây dựng chỉ đạo, giám sát các hoạt động xây dựng công trình trong hành lang bảo vệ nguồn nước để bảo đảm phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông.

7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

CHƯƠNG VI

CÔNG CỤ KINH TẾ, CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC CHO TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 64. Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động tài nguyên nước

1. Thuế tài nguyên và các khoản thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế.
2. Các loại phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.
3. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
4. Tiền bồi thường thiệt hại cho Nhà nước, tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Thuế, phí về tài nguyên nước

1. Thuế tài nguyên được áp dụng đối với nước thiên nhiên, bao gồm nước mặt và nước dưới đất dùng cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, giá và phải căn cứ các yếu tố: mục đích sử dụng, mức độ khan hiếm, mức độ căng thẳng của tài nguyên nước, điều kiện khai thác và đặc điểm kinh tế, xã hội trong khu vực.

3. Thuế áp dụng đối với sản phẩm, hàng hoá mà việc sử dụng gây tác động xấu đến nguồn nước được thực hiện theo quy định pháp luật về thuế bảo vệ môi trường.

4. Phí về tài nguyên nước, gồm:

a) Phí khai thác, sử dụng nguồn nước theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí. Mức phí quy định tại điểm này được xác định trên cơ sở tính chất của dịch vụ công, hoạt động thuộc lĩnh vực tài nguyên nước;

b) Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí. Mức phí quy định tại điểm này được xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Việc ban hành, tổ chức thực hiện thuế, phí về tài nguyên nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, phí.

Điều 66. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

1. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trong các trường hợp sau đây, *trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này*:

- a) Khai thác nước *mặt* để phát điện có mục đích thương mại;
- b) Khai thác nước để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất, *nông nghiệp; cấp nước cho sinh hoạt, trừ khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình.*

2. Trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải nộp tiền cấp quyền:

- a) Khai thác, sử dụng nước biển;
- b) Khai thác, sử dụng nước thuộc trường hợp phải đăng ký;
- c) Khai thác, sử dụng nước quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật này.

3. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được xác định căn cứ vào số lượng, chất lượng của nguồn nước, loại nguồn nước, điều kiện khai thác, quy mô, thời gian khai thác, mục đích sử dụng nước.

4. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được ưu tiên sử dụng cho các hoạt động về bảo vệ, phát triển, tích trữ nước; cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước, giám sát hoạt động khai thác nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Chính phủ quy định việc nộp tiền, miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Điều 67. Dịch vụ bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước

1. Các dịch vụ bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và vận hành công trình cải tạo, phục hồi nguồn nước bao gồm:

a) Dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa, điều hòa, phân bổ nguồn nước;

b) Dịch vụ xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất;

c) Dịch vụ vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên nước; quan trắc, giám sát tài nguyên nước; vận hành công trình cải tạo, phục hồi nguồn nước;

d) Dịch vụ thẩm định, kiểm định hồ sơ, số liệu, tài liệu, bản đồ, bản vẽ, mô hình, cơ sở dữ liệu; thiết bị quan trắc, giám sát, thi công trong lĩnh vực tài nguyên nước;

đ) Dịch vụ cấp, thoát nước cho các mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

e) Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi;

g) Các dịch vụ khác liên quan đến tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước phải đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật này và các luật khác có liên quan.

3. Các dịch vụ hệ sinh thái liên quan đến tài nguyên nước bao gồm:

a) Dịch vụ tích trữ nước để phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản;

b) Dịch vụ môi trường rừng liên quan đến bảo vệ, phát triển nguồn nước;

c) Dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên đối với đất ngập nước, hệ sinh thái biển phục vụ mục đích kinh doanh du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản.

4. Nguyên tắc chi trả dịch vụ được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ phải chi trả tiền dịch vụ cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;

b) Giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

c) Việc chi trả tiền dịch vụ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và bảo đảm tổ chức, cá nhân duy trì bảo vệ, phát triển nguồn sinh thủy thượng lưu được chi trả phù hợp từ tổ chức, cá nhân được hưởng lợi ở hạ lưu;

d) Việc chi trả tiền dịch vụ quy định tại điểm c khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

đ) Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ hệ sinh thái liên quan đến tài nguyên nước quy định tại khoản 3 Điều này được sử dụng tiền thu từ chi trả dịch vụ để bảo vệ, duy trì và phát triển, phục hồi nguồn nước.

5. Tổ chức, cá nhân được chi trả dịch vụ hệ sinh thái liên quan đến tài nguyên nước quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao trách nhiệm quản lý, sử dụng các hồ, ao, đầm, phá theo quy định của pháp luật;

b) Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý theo quy định của pháp luật.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và lộ trình thực hiện.

Điều 68. Tích hợp hoạt động tài nguyên nước

1. Tích hợp hoạt động tài nguyên nước là quá trình tính toán, tích hợp xem xét, tính toán giá trị tài nguyên nước trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Kết quả tích hợp là một trong những căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều hòa, phân bổ và thực hiện các giải pháp bảo vệ tài nguyên nước trên các lưu vực sông.

2. Tích hợp hoạt động tài nguyên nước bao gồm tập hợp các tài khoản tích hợp hệ thống, đồng bộ các thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước với thông tin kinh tế của các ngành kinh tế, hoạt động dân sinh để xác định hiện trạng, biến động và dự báo về giá trị của tài nguyên nước cho các hoạt động kinh tế - xã hội.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức tích hợp hoạt động tài nguyên nước trong việc sử dụng nước của các ngành kinh tế; các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện tích hợp hoạt động tài nguyên nước.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và lộ trình thực hiện.

Điều 69. Ưu đãi, hỗ trợ đối với hoạt động bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước

1. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án đầu tư thuộc ngành nghề ưu đãi theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với các hoạt động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước được hưởng ưu đãi, hỗ trợ về vốn, về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai; miễn, giảm thuế, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hoạt động đầu tư trong bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước được ưu đãi, hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tương ứng đối với các hoạt động đó;

c) Trường hợp hoạt động bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước cùng được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo văn bản có quy định mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn;

d) Mức độ và phạm vi ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước được điều chỉnh bảo đảm phù hợp với chính sách về bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước từng thời kỳ.

2. Các hoạt động bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước được ưu đãi, hỗ trợ:

a) Khai thác nước để giải quyết nước sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân các vùng miền núi, vùng đông bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo,

vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước ngọt;

b) Tìm kiếm, thăm dò, khai thác nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt;

c) Sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước thải; thu gom sử dụng nước mưa; sử dụng nước được khử muối từ nước lợ, nước mặn; đầu tư thiết bị công nghệ tiết kiệm nước;

d) Phát triển công nghệ, thiết bị và sản phẩm phục vụ bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước;

đ) Bổ sung nhân tạo nước dưới đất;

e) Các hoạt động khác được quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 70. Nguồn lực cho bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước

1. Nhà nước bố trí nguồn lực thực hiện các hoạt động sau:

a) Điều tra cơ bản, quy hoạch về tài nguyên nước;

b) Bảo vệ tài nguyên nước; phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước;

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

d) Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước;

đ) Xây dựng, phát triển hạ tầng khai thác, sử dụng nước; công trình, biện pháp phát triển nguồn nước;

e) Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

g) Tuyên truyền, truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước;

h) Hội nhập, hợp tác quốc tế về tài nguyên nước;

i) Kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực tài nguyên nước;

k) Các hoạt động khác có liên quan đến khai thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển, tích trữ nước, phục hồi nguồn nước và phòng, chống tác hại do nước gây ra nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước.

2. Nguồn lực để thực hiện các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước chi thường xuyên; chi đầu tư;

b) Quỹ bảo vệ môi trường;

c) Nguồn thu từ các dịch vụ liên quan đến bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước;

d) Nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân; vốn vay, tài trợ, viện trợ của tổ chức, cá nhân; nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Ngân sách nhà nước bố trí tăng dần theo từng giai đoạn, phù hợp với khả năng ngân sách và yêu cầu nhiệm vụ về bảo vệ, phát triển nguồn nước. Ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

4. Nhà nước khuyến khích các tổ chức tài chính phát triển tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các sản phẩm tài chính để hỗ trợ tài chính cho việc bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước.

5. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả phần ngân sách được giao và nguồn thu khác theo quy định của pháp luật cho các hoạt động bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước.

Điều 71. Đầu tư phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước ưu tiên thực hiện theo hình thức xã hội hóa

1. Hoạt động phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước gồm:

a) Phục hồi các dòng sông, hồ, ao bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm;

b) Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, quan trắc, giám sát tài nguyên nước và hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước khác;

c) Xây dựng công trình, biện pháp cải tạo, bảo vệ tạo cảnh quan ven sông, hồ; công trình, biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; xây dựng, vận hành công trình điều hòa, điều tiết nguồn nước, trữ nước;

d) Xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực; xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hoà, phân phối nguồn nước;

đ) Xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất;

e) Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

g) Truyền thông, giáo dục về tài nguyên nước, nâng cao ý thức khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ tài nguyên nước.

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện các dự án có hoạt động phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước quy định tại khoản 1 Điều này theo các hình thức sau:

a) Phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Cung cấp dịch vụ bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và vận hành công trình cải tạo, phục hồi nguồn nước theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

d) Hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các dự án có hoạt động phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước phải đáp ứng điều kiện:

a) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật, ngành nghề phù hợp;

b) Tổ chức phải có tư cách pháp nhân và nhân lực phù hợp.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các dự án có hoạt động phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước được:

a) Hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật này;

b) Được Nhà nước bảo đảm tiếp nhận kết quả thực hiện đầu tư theo quy định của Luật này và các luật khác có liên quan;

c) Ưu tiên tham gia cung cấp các dịch vụ công do Nhà nước đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư được bảo đảm đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt, xác nhận kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, dự án, đề án xã hội hoá và bàn giao cho đơn vị sử dụng.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và lộ trình thực hiện.

CHƯƠNG VII

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 72. Nguyên tắc hợp tác quốc tế về tài nguyên nước

1. Tôn trọng độc lập, **bình đẳng về chủ quyền**, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích **hợp pháp** của các nước có chung nguồn nước.

2. Bảo đảm công bằng, hợp lý và phát triển bền vững trong khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia.

3. Không làm phương hại tới quyền và lợi ích **hợp pháp** của các nước có chung nguồn nước phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế có liên quan.

Điều 73. Trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam đối với nguồn nước liên quốc gia

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam liên quan đến nguồn nước liên quốc gia theo quy định của Luật này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và *điều ước quốc tế có liên quan đến tài nguyên nước mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, giám sát, *tiếp nhận thông tin*, tổng hợp tình hình về các nguồn nước liên quốc gia, kịp thời báo cáo, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý các vấn đề nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của Việt Nam.

3. Ủy ban nhân dân các cấp tại vùng biên giới có nguồn nước liên quốc gia chảy qua khi phát hiện những vấn đề bất thường về lưu lượng, mực nước, chất lượng của nguồn nước trên địa bàn phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *tiếp nhận thông tin*, tổng hợp và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường *trong phạm vi quản lý*.

Điều 74. Nội dung hợp tác quốc tế về tài nguyên nước

1. Nhà nước *khuyến khích việc chủ động* hợp tác với các nước, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế *về tài nguyên nước, tập trung cho các lĩnh vực* điều tra cơ bản, bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển *bền vững* tài nguyên nước, đào tạo *nguồn nhân lực*, nghiên cứu khoa học về tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

2. Nhà nước khuyến khích hợp tác trao đổi các thông tin, *dữ liệu* có liên quan đến nguồn nước liên quốc gia, *trừ trường hợp luật có liên quan quy định khác*; phối hợp nghiên cứu và lập quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng *bền vững* nguồn nước liên quốc gia; phối hợp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra đối với nguồn nước liên quốc gia; tạo thuận lợi cho việc quản lý và thực hiện các dự án liên quan đến nguồn nước liên quốc gia.

3. Nhà nước chủ động tham gia các tổ chức quốc tế về tài nguyên nước và các tổ chức lưu vực sông quốc tế có liên quan nhằm thúc đẩy hợp tác, khai thác, sử dụng và phát triển bền vững nguồn nước liên quốc gia.

Điều 75. Giải quyết tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia

Khi giải quyết tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia có liên quan đến các nước trong lưu vực sông, các vùng biển thuộc chủ quyền ngoài việc áp dụng những nguyên tắc quy định tại Điều 72 của Luật này, còn phải tuân theo những quy định sau đây:

1. Tranh chấp, bất đồng trong việc điều tra cơ bản, bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra giữa các nước có chung nguồn nước trong đó có Việt Nam được giải quyết *thông qua biện pháp hòa bình*, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế.

2. Tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia xảy ra trong lưu vực sông có tổ chức lưu vực sông quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia được giải quyết trong khuôn khổ tổ chức lưu vực sông quốc tế theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 76. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tài nguyên nước, *bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia.*

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước, quản lý lưu vực sông, *nguồn nước* trong phạm vi cả nước và có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước; ban hành quy chuẩn kỹ thuật, định mức, đơn giá về quy hoạch, điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, *trám lấp giếng không sử dụng;*

b) Lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền và *hướng dẫn, kiểm tra*, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước, quy hoạch về tài nguyên nước; quy trình vận hành liên hồ chứa, *danh mục các đập, hồ chứa phải vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa*, danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước *liên tỉnh, liên quốc gia*; kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt;

c) *Xác định*, công bố dòng chảy tối thiểu, *chức năng đối với nguồn nước liên tỉnh*, ngưỡng khai thác nước dưới đất, *vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo thẩm quyền*; thông báo tình hình hạn hán, thiếu nước; *công bố kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông liên tỉnh; xây dựng, rà soát, điều chỉnh phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước để ứng phó với tình trạng hạn hán, thiếu nước; tổ chức thực hiện việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông liên tỉnh; công bố, đăng tải các quy hoạch theo quy định; công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp theo thẩm quyền;*

d) Tổ chức thẩm định *phương án chuyển nước trong* các dự án có hoạt động chuyển nước lưu vực sông, *đề xuất điều chỉnh, bổ sung công trình khai thác, sử dụng nước vào quy hoạch do các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập; cho ý kiến thẩm định đối với các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch điều chỉnh có khai thác, sử dụng tài nguyên*

nước do các bộ, cơ quan ngang bộ lập;

đ) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; đào tạo nguồn nhân lực về tài nguyên nước;

e) Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi, ***cấp lại*** giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước, ***chấp thuận sử dụng mặt nước, các hoạt động thuộc phạm vi lòng, bờ, bãi sông, hồ*** theo thẩm quyền;

g) Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước; tổng hợp kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; tổ chức quan trắc cảnh báo, dự báo và thông báo về mưa, lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm, xâm nhập mặn và các hiện tượng bất thường về tài nguyên nước;

h) ***Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; hướng dẫn tổ chức triển khai cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của địa phương;*** quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước; công bố, xuất bản các tài liệu, thông tin về tài nguyên nước; ***tổ chức dự báo, cảnh báo nguồn nước và thông báo về tình hình hạn hán, thiếu nước trong phạm vi cả nước;***

i) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phương án giải quyết những vấn đề liên quan đến nguồn nước liên quốc gia, việc tham gia tổ chức quốc tế, ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về tài nguyên nước; chủ trì các hoạt động hợp tác quốc tế về tài nguyên nước;

k) Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam và các tổ chức lưu vực sông;

l) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước theo thẩm quyền;

m) ***Xây dựng, tổ chức, hướng dẫn triển khai dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước theo thẩm quyền.***

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quản lý nhà nước về xây dựng, vận hành các công trình, hệ thống công trình thủy lợi, công trình cấp nước nông thôn và bảo đảm về an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi thuộc phạm vi quản lý bảo đảm các quy định khai thác, sử dụng tài nguyên nước và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

4. Bộ Công Thương có trách nhiệm quản lý nhà nước về xây dựng, vận hành các công trình hồ chứa thủy điện, nhà máy nhiệt điện và bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy điện thuộc phạm vi quản lý bảo đảm các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

5. Bộ Xây dựng có trách nhiệm quản lý nhà nước về xây dựng, vận hành các công trình cấp nước đô thị, thoát nước đô thị và các khu dân cư nông thôn tập trung thuộc phạm vi quản lý bảo đảm các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm **phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước và thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật này.**

Điều 77. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước;

b) Lập, tổ chức thực hiện **phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh**; kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt;

c) Khoanh định, công bố vùng hạn chế, **khu vực phải đăng ký** khai thác nước dưới đất; **xác định** và công bố dòng chảy tối thiểu, **chức năng đối với nguồn nước nội tỉnh**, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền; công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp **trong phạm vi địa phương**; lập, ban hành danh mục nguồn nước nội tỉnh; **xác định các khu vực khan hiếm nước, có nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; khu vực khó khăn về nguồn nước cấp; khu vực đô thị thường xuyên xảy ra ngập úng do mưa, do triều cường và nước biển dâng; ban hành, rà soát, điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất**;

d) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; **công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn theo quy định**;

đ) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước;

e) Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi, **cấp lại** giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước, **chấp thuận sử dụng mặt nước, các hoạt động thuộc phạm vi lòng, bờ, bãi sông, hồ** theo thẩm quyền;

g) Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp **và cập nhật vào hệ thống thông tin dữ liệu theo quy định**; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn; **tổ chức thực hiện điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong phạm vi địa phương**;

h) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước;

i) Xây dựng, tổ chức, hướng dẫn triển khai dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên nước theo thẩm quyền;

k) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, **công trình** quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này;

b) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền; **tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra**;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo thẩm quyền;

d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

đ) Tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, theo thẩm quyền;

e) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm, công trình quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này;

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước;

c) Tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; giám sát các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định;

d) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ theo uỷ quyền.

Điều 78. Điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông

1. Các hoạt động sau đây trên lưu vực sông cần được điều phối, giám sát:

a) Phối hợp các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị **suy thoái**, cạn kiệt, ô nhiễm, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông;

b) Điều hoà, phân phối tài nguyên nước, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông và ngưỡng khai thác nước dưới đất; điều hoà, phân phối nguồn nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước trên lưu vực sông;

c) Hoạt động xây dựng, vận hành hồ chứa, đập dâng và các công trình điều tiết nước trên sông; dự án chuyển nước và các công trình khai thác, sử dụng nước quy mô lớn, quan trọng trên lưu vực sông;

d) Hoạt động xả nước thải có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nghiêm trọng chất lượng nguồn nước lưu vực sông; khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi các nguồn nước bị **suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm** trên lưu vực sông;

đ) Các hoạt động sử dụng đất, khai thác khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng trên lưu vực sông;

e) Các hoạt động cải tạo cảnh quan, phát triển các vùng đất ven sông, ven hồ.

2. Trách nhiệm điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông được quy định như sau:

a) Tổ chức lưu vực sông kiến nghị việc điều hoà, phân phối nguồn nước, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; việc phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên một hoặc một số lưu vực sông liên tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc điều hoà, phân phối nguồn nước và điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên

lưu vực sông nội tỉnh;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất chỉ đạo việc phối hợp hoạt động của tổ chức lưu vực sông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên các lưu vực sông.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; quy định tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông.

CHƯƠNG IX

THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TÀI NGUYÊN NƯỚC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 79. Thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước

1. Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan *được giao* thực hiện *chức năng thanh tra chuyên ngành về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về thanh tra*.

2. Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước tuân theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 80. Giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước

1. Tranh chấp về tài nguyên nước bao gồm:

a) *Tranh chấp về quyền, nghĩa vụ trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước;*

b) *Tranh chấp về nguyên nhân làm suy giảm chức năng của nguồn nước, gây sạt, lún đất, suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn nguồn nước; nguyên nhân gây thiệt hại theo quy định của Luật này;*

c) *Tranh chấp về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại về tài nguyên nước.*

2. Hòa giải tranh chấp về tài nguyên nước được thực hiện như sau:

a) Nhà nước khuyến khích các bên tự hòa giải các tranh chấp về tài nguyên nước;

b) Nhà nước khuyến khích giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước giữa *tổ chức, cá nhân* với nhau thông qua hòa giải tại cơ sở theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức hòa giải các tranh chấp về tài nguyên nước trên địa bàn khi có đề nghị của các bên tranh chấp.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giải quyết tranh chấp về *tài nguyên nước* thuộc trường hợp không phải xin cấp giấy phép; trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp thì các bên tranh chấp có quyền khiếu nại đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của

pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Giải quyết tranh chấp *về tài nguyên nước* đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của mình; trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp thì các bên tranh chấp có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật;

b) Giải quyết tranh chấp đã có quyết định giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện nhưng các bên tranh chấp không đồng ý.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giải quyết tranh chấp *về tài nguyên nước* đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của mình; trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

6. Yêu cầu về bồi thường thiệt hại liên quan đến giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 81. Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến tài nguyên nước

1. Bãi bỏ Điều 5 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 72/2020/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 27 như sau:

“d) Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng việc vận hành hồ chứa, liên hồ chứa thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 56 như sau:

“c) Chỉ đạo điều hòa, phân phối nước và tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch sử dụng nước trong hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác; phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương thực hiện việc điều tiết nước hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 44 như sau:

“c) Khoan, đào, khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng;”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 16 như sau: “g) Thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải; bảo vệ tài nguyên nước; phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước”;

b) Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm thuộc Phụ lục IV - Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư như sau:

213	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước
214	Bãi bỏ điểm 214
228	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 4 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 như sau:

“c) Thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; bảo vệ tài nguyên nước; phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 62 của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 như sau:

“5. Bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, công bằng; bảo đảm tổ chức, cá nhân duy trì bảo vệ, phát triển nguồn sinh thủy thượng lưu được chi trả phù hợp từ tổ chức, cá nhân được hưởng lợi ở hạ lưu; phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

6. Bãi bỏ “Quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia” tại số thứ tự 5 Phụ lục II Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành ban hành kèm theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.

Điều 82. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 83. Điều khoản chuyển tiếp

Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, việc hành nghề khoan nước dưới đất, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện như sau:

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép theo quy định của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép.

2. Tổ chức, cá nhân đang thực hiện khai thác tài nguyên nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của Luật này đối với phần còn lại của thời hạn ghi trong giấy phép. *Tổ chức, cá nhân đã được phê duyệt tiền*

cấp quyền khai thác tài nguyên nước trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tiếp tục thực hiện đối với phần còn lại của thời hạn ghi trong quyết định phê duyệt.

Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho mục đích nông nghiệp sẽ được thực hiện cùng với thời điểm thu sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phí theo quy định pháp luật về thủy lợi, về giá. Trường hợp khai thác nước dưới đất để trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung với quy mô lớn tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật này.

3. Trường hợp công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước đã đưa vào hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực mà đã làm thủ tục cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhưng chưa được cấp phép thì thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012; Trường hợp chưa làm thủ tục cấp phép thì phải làm thủ tục cấp phép theo quy định của Luật này.

4. Trường hợp công trình thủy lợi đã xây dựng và khai thác trước ngày 01 tháng 01 năm 2013 mà chưa được cấp phép, đăng ký thì phải làm thủ tục cấp phép, đăng ký theo quy định của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ